

Cai Lậy, ngày 17 tháng 8 năm 2023

Số: 08/2023/QĐST-VDS

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất để thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

Thư ký phiên họp: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Công Em - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-VDS ngày 21 tháng 02 năm 2023, về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án”, theo Quyết định mở phiên họp số 169/2023/QĐST-VDS, ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp số 135/2023/QĐST-VDS, ngày 04 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1970, (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1947, (vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977, (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980, (vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983, (vắng mặt);

5. Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1990, (vắng mặt);

6. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2005, (vắng mặt);

7. Nguyễn Trọng N, sinh năm 2015;

8. Nguyễn Trọng H, sinh năm 2016;

Người đại diện theo pháp luật của N và H là: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977, (vắng mặt);

9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1943, (vắng mặt);

10. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1972, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 06/02/2023 và tại phiên họp hôm nay, bà Lê Thị U trình bày:*

Bà là nguyên đơn trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay, mượn và mua bán tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp 7 mét, xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977, bà Trần Thị L, sinh năm 1947, cùng địa chỉ: Ấp 5, xã M huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết sơ thẩm bằng bản án số 21/2016/DSST ngày 05/4/2016 và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm bằng bản án số 283/2016/DS-PT ngày 14/7/2016. Theo nội dung bản án số 283/2016/DS-PT ngày 14/7/2016 thì anh Nguyễn Quốc V cùng vợ là chị Nguyễn Thị Thanh T và bà Trần Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị U số tiền vốn vay, tiền mượn và tiền mua bán cộng chung là 2.582.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24 Kara.

Theo kết quả xác minh ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bà Trần Thị L hiện đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng các thửa đất sau: Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m², loại đất vườn thô; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m², loại đất lúa và Thửa đất số 1374 (số thửa cũ là 792), tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m², loại đất lúa. Các thửa đất đều tọa lạc tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/02/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy có văn bản số 76/TB-THADS thông báo cho bà U có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung với hộ gia đình để Chi cục Thi hành án dân sự huyện C làm cơ sở kê biên tài sản của người phải thi hành án theo quy định.

Do đó, bà nộp đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của anh Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị L trong khối tài sản chung đối với 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m²; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m² và Thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m². Các thửa đất đều cấp cho hộ bà Trần Thị L cùng tọa lạc tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo điều kiện thi hành án.

Tại phiên họp hôm nay, bà U thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự như sau: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị L trong khối tài sản chung đối với 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m²; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m² và Thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m². Các thửa đất đều cấp cho hộ bà Trần Thị L cùng tọa lạc tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo điều kiện thi hành án.

** Theo bản tự khai không đề ngày, tháng 3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:*

Bà không đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị U về việc chia tài sản chung để thi hành án vì năm 2008, gia đình bà thống nhất cho anh Nguyễn Quốc V một phần

đất trồng lúa có diện tích là 1.800 m² nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến năm 2010 thì anh V bán cho anh Huỳnh Văn T nhưng khi làm thủ tục sang tên là bà L làm thủ tục chuyển nhượng cho anh T. Như vậy, thửa đất số 72, thửa đất số 785 và thửa đất số 1374, các thành viên trong hộ gia đình đã phân chia cho anh V rồi nên không còn phần nào của anh V trong phần đất cấp cho hộ bà Trần Thị L nữa. Về nguồn gốc đất là do cha mẹ ruột của bà để lại cho bà và một phần là do vợ chồng bà khai khẩn nên, các con bà không có đóng góp công sức gì hết.

** Theo bản tự khai không đề ngày, tháng, năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Các anh chị không đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị U về việc chia tài sản chung để thi hành án vì năm 2008, gia đình anh chị thống nhất cho anh Nguyễn Quốc V một phần đất trồng lúa có diện tích là 1.800 m² nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến năm 2010 thì anh V bán cho anh Huỳnh Văn T nhưng khi làm thủ tục sang tên là bà L làm thủ tục chuyển nhượng cho anh T. Như vậy, thửa đất số 72, thửa đất số 785 và thửa đất số 1374, các thành viên trong hộ gia đình đã phân chia cho anh V rồi nên không còn phần nào của anh V trong phần đất cấp cho hộ bà Trần Thị L nữa. Về nguồn gốc đất là do ông bà ngoại của anh chị để lại cho bà L và một phần là do cha mẹ của anh chị khai khẩn nên.

** Theo bản tự khai không đề ngày, tháng, năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:*

Do tuổi còn nhỏ nên không biết rõ sự việc diễn ra trong gia đình về việc phân chia tài sản từ bà L cho ông V nên chị đồng ý với lời trình bày của anh V.

** Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến giải quyết việc dân sự như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị đưa thành viên trong hộ của bà Trần Thị L là chị Nguyễn Thị Cẩm K và chị Nguyễn Thị Thu M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi của chị K và chị M. Đồng thời làm rõ chị Lê Thị N, sinh năm 1978 có mối quan hệ như thế nào với bà L, có phải thành viên hộ bà L không. Làm rõ chị K, chị M, chị N có công sức đóng góp gì làm tăng giá trị đất của các thành viên trong hộ với phần đất mà bà U đang yêu cầu giải quyết hay không.

Ngoài ra, Tòa án cũng cần làm rõ hiện trạng 03 thửa đất số 72, 785, 1374 hiện ai đang là chủ sở hữu, quản lý, sử dụng, có thể chấp hay cầm cố cho ai không.

Do trong hồ sơ còn nhiều vấn đề chưa làm rõ nên Viện kiểm sát không đủ cơ sở để phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên họp để xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ các vấn đề trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị U yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị L trong khối tài sản chung để thi hành án. Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là: “Yêu cầu xác định phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị Yến N, ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt của bà L, anh V, chị Đ, anh Q, chị Q, chị N, ông C, anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét việc thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà U tại phiên họp hôm nay là không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung yêu cầu, thấy rằng: Tại bản án số 21/2016/DSST ngày 05/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy; Bản án số 283/2016/DS-PT ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và Quyết định thi hành án số 123/QĐ-CCTHADS ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy có nội dung thi hành: Anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Thanh T và bà Trần Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị U số tiền tổng cộng là 2.582.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24 Kara.

3.1. Trong quá trình thi hành án, Chấp hành viên đã thông báo cho các thành viên trong hộ bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc V về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung, quyền yêu cầu Tòa án phân chia nhưng không ai thực hiện nên Chấp hành viên đã thông báo cho bà U là người được thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án. Căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy và Văn bản số 936/CNVPĐK ngày 14/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy cho thấy bà Trần Thị L đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m²; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m² và Thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m² cùng tọa lạc tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Qua xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu các thửa đất số 72, 785, 1374 là do bà Trần Thị L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 27/02/1997. Tuy nhiên, nguồn gốc các thửa đất là do bà Trần Thị L kê khai vào năm 1995, được Hội đồng xét duyệt cấp xã thống nhất cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị L và Hội đồng xét duyệt cấp xã đề nghị Hội đồng xét duyệt cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà L với diện tích 11.150 m² đất. Kèm theo đơn là sổ hộ khẩu gia đình của bà L gồm các thành viên: Ông Nguyễn Văn C (chủ hộ); bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Q. Đến năm 2005 thì bà L tiến hành làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện Cai Lậy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 18/10/2005 gồm 03 thửa đất số 72, 785, 792 (Số thửa mới là 1374 do vào năm 2013 hộ bà L chuyển nhượng một phần thửa đất nên hộ bà L có đơn đề nghị cấp lại).

Như vậy, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là cấp cho bà Trần Thị L nhưng trong hồ sơ kê khai ghi tên chồng là ông Nguyễn Văn C và Hội đồng xét duyệt đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà L. Đến khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi vào hồ sơ là hộ Trần Thị L. Đồng thời, căn cứ vào lời khai của bà L, chị Q, chị Đ, anh Q, anh D có nội dung: “...thửa đất số 72, thửa đất số 785 và thửa đất số 1374, các thành viên trong hộ gia đình đã phân chia cho anh V vào năm 2008 nên không còn phần của anh V trong phần đất cấp cho hộ bà L ...”. Điều này chứng minh bà L đã tự xác định các thửa đất trên là tài sản chung của hộ gia đình. Mặt khác, bà L và những thành viên trong hộ không có chứng cứ nào thể hiện việc đã phân chia quyền sử dụng đất cho anh V và việc phân chia đất đó là thuộc phần quyền sử dụng của anh V. Do đó, xác định thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m²; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m² và thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m² cùng tọa lạc tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của hộ bà Trần Thị L.

3.3. Bà Trần Thị L cho rằng nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột của bà để lại cho bà và một phần là do vợ chồng bà khai khẩn nên, các con bà không có đóng góp công sức gì hết. Tuy nhiên, bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp giải quyết việc dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bà L, anh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bà L, anh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến dự phiên họp. Đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là từ bỏ quyền lợi của mình. Tòa án căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.4. Theo kết quả thu thập chứng cứ do Công an xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang tại văn bản số 40/CAX ngày 07/8/2023 thì vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 27/02/1997 thành viên hộ bà L gồm: Ông Nguyễn Văn C (chủ hộ), bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Q. Theo khoản 29 Điều 3 của Luật đất đai thì: “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia

đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất”. Vì vậy, trong số thành viên trên, chỉ có anh Q và chị Q là chưa đủ 15 tuổi, không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hộ gia đình nên không có quyền sử dụng đối với các thửa đất trên.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01937 do UBND huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 18/10/2005; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01938 do UBND huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 18/10/2005 và Thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00505 do UBND huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 13/01/2014 là tài sản thuộc quyền sử dụng của hộ với 05 thành viên đồng sở hữu gồm: Bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Đ. Do đó, yêu cầu của bà U về việc xác định phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 102, Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp về việc giải quyết việc dân sự là không phù hợp với nhận định của Tòa án bởi:

Theo điểm c khoản 2 Điều 24 của Văn bản số 1357/VBHN-BTP ngày 14/4/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự thì *đối với tài sản thuộc quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì chỉ xác định phần sử dụng của thành viên của hộ gia đình tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất*. Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp đã thể hiện nguồn gốc 03 thửa đất trên là cấp cho hộ gia đình bà Trần Thị L vào ngày 27/02/1997 và Văn bản của Công an xã Mỹ Thành Bắc đã xác nhận thành viên trong hộ bà L tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu gồm các thành viên ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Văn Dg, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Q. Vì vậy, không cần thiết phải đưa chị Nguyễn Thị Cẩm K, chị Nguyễn Thị Thu M là thành viên hộ tại thời điểm cấp đổi đất năm 2005 vào tham gia tố tụng. Đối với chị Lê Thị N cũng không phải thành viên hộ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc xác minh mối quan hệ như thế nào với bà L không có ý nghĩa trong việc giải quyết việc dân sự.

Bà U yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng của ông V và bà L trong khối tài sản chung là thửa đất số 72, thửa đất số 785, thửa đất số 1374 để đảm điều kiện thi hành án. Kết quả xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xác định hiện bà L đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng 03 thửa đất trên và là tài sản

bảo đảm thi hành án. Do đó, Tòa án chỉ xác định 03 thửa đất trên ông V, bà L có bao nhiêu phần quyền sử dụng. Tòa án không cần thiết phải tiến hành thu thập chứng cứ về công sức đóng góp làm tăng giá trị của chị M, chị K, chị N đối với các thửa đất trên. Cũng như không cần phải xác minh việc có cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất. Nếu chị M, chị K, chị N có chứng cứ chứng minh được công sức đóng góp làm tăng giá trị đất thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Chính vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để giải quyết việc dân sự.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà U là người yêu cầu giải quyết việc dân sự nên phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Điều 102, Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lê Thị U.

Xác định anh Nguyễn Quốc V, bà Trần Thị L mỗi người được quyền sử dụng 1/5 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.625,9 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01937 do UBND huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 18/10/2005; Thửa đất số 785, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.268 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01938 do UBND huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 18/10/2005 và Thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.745,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00505 do UBND huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Trần Thị L vào ngày 13/01/2014.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017237 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Như vậy, bà U đã nộp đủ số tiền lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh

I. PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HỌP

1. KHAI MẠC PHIÊN HỌP

Hôm nay ngày 17/8/2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên họp giải quyết việc dân sự về việc: “Yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất để thi hành án”, giữa:

- *Người yêu cầu:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Chà Là, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1947;
2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977;
3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980;
4. Ông Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1983;
5. Bà Nguyễn Thị Quyên, sinh năm 1990;
6. Chị Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 2005;
7. Anh Nguyễn Trọng Nhân, sinh năm 2015;
8. Anh Nguyễn Trọng Hiếu, sinh năm 2016;
9. Ông Nguyễn Văn Chánh, sinh năm 1943;
10. Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Tôi tuyên bố khai mạc phiên họp và công bố Quyết định mở phiên họp:

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 169/2023/QĐST-VDS

Cai Lậy, ngày 20 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH MỞ PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 48, điểm d khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2023/TLST-VDS ngày 21 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm về việc: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

- *Người yêu cầu:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Chà Là, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1947;
2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977;
3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980;
4. Ông Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1983;

5. Bà Nguyễn Thị Quyên, sinh năm 1990;
6. Chị Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 2005;
7. Anh Nguyễn Trọng Nhân, sinh năm 2015;
8. Anh Nguyễn Trọng Hiếu, sinh năm 2016;
9. Ông Nguyễn Văn Chánh, sinh năm 1943;
10. Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian mở phiên họp: 13 giờ 30 phU, ngày 04 tháng 8 năm 2023.

Địa điểm mở phiên họp: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy.

2. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Công Em - Kiểm sát viên.

Thẩm phán đã ký tên và đóng dấu.

Do phiên họp ngày 04/8/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên hoãn phiên họp đến ngày hôm nay.

- Đề nghị Thư ký báo cáo sự có mặt, vắng mặt tại phiên họp ngày hôm nay.

- Đề nghị bà U đứng dậy:

H: Bà cho biết họ tên đầy đủ ? Năm sinh, địa chỉ của bà?

H: Ngoài tên U, bà còn tên gọi nào khác không?

- Để các đương sự thực hiện quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, tôi giới thiệu thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

+ Tôi là **Phạm Thị Mỹ Nhanh** - Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp;

+ Phía trước bàn thư ký là: bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký ghi biên bản phiên họp;

+ Phía trước bàn kiểm sát viên là ông Nguyễn Văn Công Em – KSV.

- Thành phần những người tiến hành tố tụng tôi vừa giới thiệu - Các bên đ/s có y/c thay đổi ai không?

Hỏi bà U:

- Tại phiên họp hôm nay, bà có yêu cầu thay đổi, bổ sung, rU lại một phần hay toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự không?

- Bà U trình bày nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà?

- Theo bản án nào mà bà yêu cầu để thi hành án?

- Ai là người phải thi hành án cho bà? Thi hành số tiền bao nhiêu?

- Bà làm đơn yêu cầu thi hành án chưa, thời gian nào?

- THA huyện Cai Lậy đã ra quyết định thi hành án cho bà chưa?

- THA đã xác minh được tài sản nào để đảm bảo cho việc THA?

- Lý do gì bà yêu cầu tòa án giải quyết việc dân sự?

- Bà có nhận được Thông bào về việc phân chia tài sản chung để thi hành án không?

- Tại sao bà lại yêu cầu xác định 03 thửa đất: 72, 785, 1374 để thi hành án?

- Hiện nay 03 thửa đất này đứng tên ai? Ai là người quản lý sử dụng?
- Bà biết 03 thửa đất này cấp cho hộ hay cho cá nhân bà L?
- Là cấp năm 2005 đúng không? Thi hành án cũng xác minh là 03 thửa đất này cấp cho hộ?

* Mời các đại diện VKS tham gia hỏi?

* Bà U: Bà có ý kiến gì thêm không? Bà xác định lại yêu cầu của bà là gì?

- Mời KSV phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Bà U có ý kiến gì thêm không.

Sau đây, tôi sẽ công bố quyết định giải quyết việc dân sự.

Đọc Quyết định (...)

Thay mặt Hội đồng xét xử tôi tuyên bố bế mạc phiên họp, mời mọi người nghỉ các đương sự ra về.

